



HỌC NGỮ PHÁP TIẾNG ANH CƠ BẢN

DANH ĐỘNG TỪ - GERUND

Danh động từ là một mảng [ngữ pháp tiếng Anh](#) không có quy tắc và cần phải bỏ thời gian ghi nhớ để nắm được các cấu trúc từ. Bài viết giới thiệu các kiến thức liên quan đến danh động từ trong tiếng Anh cũng như các từ, cụm từ đi kèm với danh động từ.

I. Khái niệm Danh động từ là gì?

- Danh động từ là **động từ thêm đuôi "ing"** để trở thành danh từ.
- Việc thêm đuôi "ing" sẽ biến đổi hình thức của từ: Động từ thành **danh từ chỉ hành động**.

Ví dụ:

He plays football every morning.

Từ play đóng vai trò làm động từ trong câu.

Playing football is his favourite activity in the morning.

Từ play thêm đuôi "ing" là danh động từ đóng vai trò làm chủ ngữ trong câu.

II. Cách sử dụng danh động từ:

- **Danh động từ làm chủ ngữ:**

Ví dụ:

Doing exercise in the morning is good for health.



VnDoc - Tải tài liệu, văn bản pháp luật, biểu mẫu miễn phí

Smoking in public area is forbidden in Singapore.

- Danh động từ làm tân ngữ:

Danh động từ đứng sau một động từ khác để bổ nghĩa.

Ví dụ:

My mother likes cooking.

She enjoys meeting new people.

- Danh động từ làm tân ngữ của động từ be:

Ví dụ:

My favourite sport is swimming.

My great passion in life is studying.

- Danh động từ làm tân ngữ của giới từ:

+ Adjective + preposition + Gerund: tính từ + giới từ + danh động từ

Ví dụ:

Mary is crazy about playing tennis.

+ Noun + preposition + Gerund: Danh từ + giới từ + danh động từ

Ví dụ:

There's no interest in writing letters.

+ Verb + preposition + Gerund: Động từ + giới từ + danh động từ



Ví dụ:

Sue dreams of being a pop star.

- Danh động từ được dùng sau các cụm từ:

be busy	Bận rộn
can't / couldn't help	Không thể ngừng
can't stand / bear / face	Không thể chịu
feel like	Cảm thấy
it's no good / use	Không có tác dụng
spend time	Dành thời gian
there's no point in	Không có tác dụng
it's (not) worth.	Không đáng

Ví dụ:

He is busy reading papers.

I don't feel like doing anything today.

3. Bài tập và hướng dẫn giải.

Xem thêm nhiều hơn tại: [Bài tập danh động từ trong tiếng Anh có đáp án](#) **HOT**

Bài tập 1: Chọn đáp án đúng:

1. The bicycle he lent me badly needed_____.



A. to clean

B. clean

C. cleaning

D. to be cleaning

2. I got tired of _____ since she kept giving me the same food every day.

A. eat

B. to eat

C. eating

D. to eating

3. Please come on time. I hate _____ .

A. being kept waiting

B. being kept wait

C. to be kept waiting

D. to be kept wait

4. He says he doesn't remember _____ you.

A. to promise to help

B. to promise helping

C. promising to help



D. promising helping

5. I am not used to _____ early. I'd rather stay in bed a bit longer.

A. get up

B. getting up

C. to getting up

D. to get up

6. It's such a waste _____ good food to Dave – he really doesn't appreciate it.

A. to give

B. to giving

C. giving

D. give

7. I suggest staying at home and _____ television.

A. watch

B. to watch

C. watching

D. to watching

8. He decided to let his hair _____ long.

A. grow



B. growing

C. to grow

D. to growing

9. Mary prefers _____.

A. singing to dance

B. singing to dancing

C. to sing than to dance

D. sing to dance

10. The prisoners are made _____ holes and fill them in again.

A. to dig

B. dig

C. to digging

D. digging

Đáp án

1. The bicycle he lent me badly needed _____.

A. to clean

B. clean

C. cleaning



D. to be cleaning

2. I got tired of _____ since she kept giving me the same food every day.

A. eat

B. to eat

C. eating

D. to eating

3. Please come on time. I hate _____ .

A. being kept waiting

B. being kept wait

C. to be kept waiting

D. to be kept wait

4. He says he doesn't remember _____ you.

A. to promise to help

B. to promise helping

C. promising to help

D. promising helping

5. I am not used to _____ early. I'd rather stay in bed a bit longer.

A. get up



B. getting up

C. to getting up

D. to get up

6. It's such a waste _____ good food to Dave – he really doesn't appreciate it.

A. to give

B. to giving

C. giving

D. give

7. I suggest staying at home and _____ television.

A. watch

B. to watch

C. watching

D. to watching

8. He decided to let his hair _____ long.

A. grow

B. growing

C. to grow

D. to growing



9. Mary prefers _____.

A. singing to dance

B.singing to dancing

C. to sing than to dance

D. sing to dance

10. The prisoners are made _____ holes and fill them in again.

A.to dig

B. dig

C. to digging

D. digging

Trên đây là Danh động Từ là gì? Cách dùng danh động từ trong tiếng Anh.

Mời bạn đọc tham khảo thêm nhiều tài liệu ôn tập Tiếng Anh cơ bản như:

Tài liệu luyện 4 kỹ năng: [Tài liệu luyện kỹ năng Tiếng Anh cơ bản](#)

Ngữ pháp Tiếng Anh cơ bản: [Ôn tập Ngữ pháp Tiếng Anh](#)

Kiểm tra trình độ Tiếng Anh online: [Luyện thi Tiếng Anh trực tuyến](#)